

SỐ 1535

KINH ĐẠI THỪA TỬ PHÁP THÍCH

1. Nói về sự thành lập tông chỉ: Về tông chỉ của thế gian nhận thấy tổng quát có hai:

Một: Ngoài.

Hai: Trong.

Nhận thấy tông chỉ bên ngoài tuy có nhiều, nhưng không ngoài hai loại. Nghĩa là Đoạn và Thường, nói rộng như luận.

Thấy rõ tông chỉ bên trong. Đại sư tại thế, cùng học một thầy không có gì sai biệt. Sau khi Phật diệt độ, tông chỉ của Đại-Tiểu thừa chia ra thành nhiều bộ. Tông phái của Tiểu thừa thấy có hai mươi hai, như Luận Tông Luân (Dị Bộ Tông Luân Luận) mỗi mỗi đều trình bày rộng ra.

Tông kiến của Đại thừa phân ra làm ba phần riêng biệt:

Một: Thắng Nghĩa Giai Không Tông.

Hai: Duy Thức Trung Quán.

Ba: Pháp Tánh Viên Dung.

Ba Tông kiến này mỗi mỗi đều trình bày rộng, như Trung Quảng Bách Tam Thập Luận v.v...

Nay kinh này nói: Có Bồ-tát hiệu là Thế Thân, quả vị đều là Gia Hạnh, đã tạo luận giải thích. Vì thế, cho nên biết là thuộc về tông Duy thức Trung Quán.

2. Nói đến phần trình bày quy về Thừa: Đức Như Lai vì tâm đại bi, dẫn dắt quần mê, tùy theo căn cơ lập giáo, nói có ba và năm.

Nói có ba:

- Một, Thanh văn thừa.
- Hai, Duyên giác thừa.
- Ba, Bồ-tát thừa.

Nói có năm là thêm Thiên thừa và Nhân thừa.

Năm thừa như vậy vốn có bàn luận về công hạnh, rộng ra như các kinh luận khác phân tích rõ ràng.

Nay theo kinh này, tất cả chỉ trình bày về hạnh của Bồ-tát, đều là Đại thừa chứ không phải là Tiểu thừa. Vì vậy, cho nên biết là thuộc về tông Đại thừa.

3. Nói sáng tỏ về phần quy hướng: Chư Phật, Bồ-tát và Thanh văn đã giảng nói giáo pháp, tuy có rất nhiều, nhưng tùy theo loại tướng mà có mười hai phần, nghĩa là như Khế kinh..., với mỗi mỗi hành tướng như ở các chỗ khác đã nói rõ.

Nay kinh này, vì không thừa thỉnh mà nói cho nên thuộc về phần Tự thuyết. Không bỏ tâm Bồ-đề vô thượng..., là công hạnh rộng lớn của Bồ-tát cho nên thuộc về phần Phương Quảng. Vì có Già tha (Kệ) cho nên thuộc về phần Ứng Tụng. Vì là liễu nghĩa cho nên thuộc về phần Luận nghị. Có đủ thí dụ cho nên thuộc về phần Thí dụ. Vì vậy nên biết là thuộc về năm phần.

4. Nói về sự biện minh quy về tạng: Như trên đã nói về mười hai phần giáo. Nói tổng quát là quy về ba Tạng:

1. Tạng Tố-đát-lãm, Hoa dịch là Khế kinh. Xuyên suốt và nối liền với nhau để giải thích về Định học, kế lý kế cơ làm lợi ích cho mọi người. Tạng ấy là nhiếp thủ.

2. Tạng Tỳ-nại-da, Hoa dịch là Điều phục, vốn thuộc về Giới học. Điều hòa ba nghiệp, chế phục hành ác mà thâm nhiếp lợi ích.

3. Tạng A-tỳ-đạt-ma, Hoa dịch là Đối pháp, vốn giải thích về Tuệ học. Đối là đối hưởng Niết-bàn và đối quán bốn đế mà thâm nhiếp lợi ích.

Phần Khế kinh..., vì sao ba Tạng mà thâm nhiếp lẫn nhau? Luận Đối Pháp Tập nói: Khế kinh, Ứng tụng, Ký biệt, Phúng tụng, Tự thuyết, đây là Tạng Tố-đát-lãm của Thanh văn. Duyên khởi, Thí dụ, Bản sự, Bản sinh và Già quyển thuộc, gọi là Tạng Tỳ-nại-da. Phương quảng, Hy pháp (Pháp hy hữu), đây là thuộc về Tạng Tố-đát-lãm của Bồ-tát.

Nếu chỉ có liễu nghĩa, cũng thuộc về Tạng A-tỳ-đạt-ma. Như lý, cho nên tư duy.

Sau đây là giải thích về phần chánh văn của kinh.

Về môn chia làm hai:

1. Giải thích về đề mục của kinh.
2. Giải thích về chánh kinh.

Một là giải thích về đề mục: Hết thầy Thánh giáo, nói đến thành lập tên, đều căn cứ theo bốn loại để thành lập tên. Nghĩa là: Người, Nơi chốn, Pháp, Thí dụ.

Nay theo kinh này là căn cứ vào pháp để lập tên. Nói đến Đại, có bảy nghĩa về Đại.

Nói Đại là có bảy nghĩa Đại:

1. Sở duyên Đại: các kinh như Bát-nhã đã trình bày, tất cả các hạnh khổ khó thực hành, cảnh giới rộng lớn bao la, đều là cảnh sở duyên của Bồ-tát.

2. Tu hành Đại: là tu tập rộng về hạnh của mình và hạnh của người khác.

3. Trí Đại: là có năng lực hiểu rõ về Nhân vô ngã và pháp vô ngã.

4. Tinh tấn Đại: là hành trì việc khó làm trong ba vô số kiếp.

5. Phương tiện Đại: là không trụ vào sinh tử và Niết-bàn.

6. Nghiệp Đại: là tận cùng giới hạn sinh tử, có năng lực thực hành tất cả nghiệp của chư Phật.

7. Thành tựu Đại: là có năng lực thành tựu các công đức vì đại như mười lực vô úy-các pháp bất cộng... Dùng bảy Đại này mà vượt lên trên Nhị thừa, cho nên nói là Đại.

Nói Thừa là có nghĩa vận tải.

Sinh tử là bờ này, Niết-bàn là bờ kia. Hữu tình gọi là giữa dòng.

Kinh này đã nói bốn loại thuyền pháp, vận tải hữu tình, vượt qua biển sinh tử, khiến cho đến bờ Niết-bàn, cho nên gọi là Thừa.

Nói bốn ấy là số lượng. Vì sao đưa ra số? Trong Luận tự nêu rõ. Nói là pháp thì lấy Quĩ trì làm nghĩa. Phần của kinh đã nói về bốn loại pháp hành, tức là phép tắc vốn có của Bồ-tát.

Nói là kinh, tiếng Phạn nói là Tố-đát-lãm, chính là có bốn nghĩa, gọi là Y-Diên-Tịch và Kinh. Nay chọn lấy nghĩa Diên, như sợi chỉ xâu liền các đóa hoa, gió lay động hoa không rời ra, luôn luôn dùng giáo xuyên suốt nghĩa, thì tà pháp không thể nào loại trừ được. Như kinh giữ lấy luật mới dệt thành đồ vật, dùng giáo thâu nhiếp chúng sanh khiến cho đạt được Thánh quả, thì dùng giáo pháp mà gọi tên vậy.

Diên kinh, như luận Chân Thật nói có năm nghĩa:

1. Tượng tuyền: Dòng suối đầy.

2. Thăng mặc: Sợi dây mực.

3. Kết mạn: Xâu hoa đẹp.

4. Xuất sinh: Phát sinh ra.

5. Hiện thị: Nêu rõ ràng.

Nếu dựa theo Trung Quốc, thì kinh là thường, là pháp, là thẳng, xưa nay không thay đổi, định rõ về chánh tà, làm thối nhuần, thông suốt vật lý.

Luận Trang Nghiêm nói: “Nêu rõ về nơi chốn và nghĩa của pháp tướng gọi là kinh”.

